

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Về Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam và việc áp dụng pháp luật, giải quyết tranh chấp tại Trung tâm tài chính quốc tế

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 222/2025/QH15 ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế và việc áp dụng pháp luật, giải quyết tranh chấp tại Trung tâm tài chính quốc tế.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành khoản 4 Điều 6, khoản 1.c2. Điều 9, khoản 3 Điều 30 Nghị quyết số 222/2025/QH15 ngày 27/06/2025 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam về việc thành lập, hoạt động của Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế, tiêu chuẩn sáng lập viên Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế và việc áp dụng pháp luật, giải quyết tranh chấp tại Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế, sáng lập viên, trọng tài viên thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế.

2. Các Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế, các nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh và giải quyết tranh chấp bằng trọng tài hoặc hoà giải thương mại tại Trung tâm trọng tài quốc tế.
3. Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế.
4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ THUỘC TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Điều 3. Thành lập Trung tâm trọng tài quốc tế

1. Trung tâm trọng tài quốc tế được thành lập khi có ít nhất năm sáng lập viên là công dân Việt Nam có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này đề nghị thành lập và được Bộ trưởng Bộ Tư pháp cấp phép thành lập.
2. Trung tâm trọng tài quốc tế có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng và hoạt động độc lập về tổ chức, tài chính.
3. Việc thành lập, công bố thành lập Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế được thực hiện theo quy định của pháp luật về trọng tài thương mại và Nghị định này.

Điều 4. Hoạt động của Trung tâm trọng tài quốc tế

Hoạt động của Trung tâm trọng tài quốc tế được thực hiện theo quy định của pháp luật về trọng tài thương mại, Nghị quyết số 222/2025/QH15 ngày 27/06/2025 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam và Nghị định này.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Trung tâm trọng tài quốc tế

1. Xây dựng điều lệ và quy tắc tố tụng của Trung tâm trọng tài phù hợp với những quy định của pháp luật về trọng tài thương mại và Nghị định này.
2. Quy định các tiêu chuẩn đối với Trọng tài viên của tổ chức mình.
3. Lập danh sách Trọng tài viên, xóa tên Trọng tài viên trong danh sách Trọng tài viên, gửi danh sách Trọng tài viên và những thay đổi về danh sách Trọng tài viên của Trung tâm trọng tài cho Bộ Tư pháp để công bố.
4. Chỉ định Trọng tài viên để thành lập Hội đồng trọng tài phù hợp quy định của pháp luật về trọng tài thương mại và quy định tại Nghị định này.
5. Cung cấp dịch vụ trọng tài, hoà giải và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại khác theo quy định của pháp luật.
6. Cung cấp các dịch vụ hành chính, văn phòng và các dịch vụ khác cho việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.

7. Thu phí trọng tài và các khoản hợp pháp khác có liên quan đến hoạt động trọng tài.

8. Trả thù lao và các chi phí khác cho Trọng tài viên.

9. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ và kỹ năng giải quyết tranh chấp cho Trọng tài viên.

10. Lưu trữ hồ sơ, cung cấp các bản sao quyết định trọng tài theo yêu cầu của các bên tranh chấp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

11. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào hoạt động của Trung tâm trọng tài.

12. Báo cáo định kỳ hằng năm về hoạt động của Trung tâm trọng tài quốc tế với Sở Tư pháp nơi Trung tâm trọng tài đăng ký hoạt động.

Điều 6. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Trung tâm trọng tài quốc tế

1. Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo thỏa thuận giữa các bên liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Trung tâm tài chính quốc tế theo quy tắc và quy định do Trung tâm trọng tài quốc tế ban hành, trừ tranh chấp quy định tại khoản 2 Điều này.

Phương án 1

2. Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế không giải quyết:

a) Các tranh chấp liên quan đến quyết định hành chính của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Các tranh chấp liên quan đến lao động

c) Các nội dung liên quan đến quản lý nhà nước đã được giải quyết bằng bản án, quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, của Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam;

d) Các tranh chấp liên quan đến quyền nhân thân của cá nhân;

Phương án 2

2. Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế không giải quyết:

a) Các tranh chấp liên quan đến quyết định hành chính của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Các nội dung liên quan đến quản lý nhà nước đã được giải quyết bằng bản án, quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, của Tòa án có

thẩm quyền tại Việt Nam;

c) Các tranh chấp liên quan đến quyền nhân thân của cá nhân;

Điều 7. Chấm dứt hoạt động của Trung tâm trọng tài quốc tế

Hoạt động của Trung tâm trọng tài quốc tế chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

1. Các trường hợp được quy định tại Điều lệ của Trung tâm trọng tài quốc tế;

2. Bị thu hồi Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật về trọng tài thương mại.

3. Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động của Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế được thực hiện theo quy định của pháp luật về trọng tài thương mại và Nghị định này.

Điều 8. Điều kiện của sáng lập viên Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế

1. Những người có đủ các tiêu chuẩn sau đây có thể làm Sáng lập viên của Trung tâm Trọng tài quốc tế:

a) Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên;

c) Có trình độ Tiếng Anh từ bậc 5 trở lên trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đáp ứng yêu cầu giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trong Trung tâm tài chính quốc tế;

d) Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm thực tiễn về giải quyết tranh chấp bằng trọng tài liên quan đến lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, ưu tiên có kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

đ) Đã tham gia ban hành ít nhất 10 phán quyết trọng tài.

e) Là thành viên của một Trung tâm trọng tài được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Trung tâm trọng tài quốc tế quy định các tiêu chuẩn đối với Trọng tài viên của tổ chức mình.

3. Những người thuộc một trong các trường hợp sau đây không được làm Trọng tài viên:

a) Người đang là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, Chấp hành viên, công chức thuộc Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra, Cơ quan thi hành án;

b) Người đang là bị can, bị cáo, người đang chấp hành án hình sự hoặc đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích.

Chương III

ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TẠI TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Điều 9. Áp dụng pháp luật tại Trung tâm tài chính quốc tế

1. Quy chế hoạt động do Cơ quan điều hành ban hành theo quy định tại khoản 2 Điều này được ưu tiên áp dụng để giải quyết các vấn đề liên quan đến phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Quy chế hoạt động đó.

2. Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế được ban hành Quy chế hoạt động hoặc văn bản tương đương khác để quy định cụ thể về tổ chức, vận hành đối với các thành viên thuộc Trung tâm tài chính quốc tế và hoạt động của các thành viên, nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức có liên quan trong Trung tâm tài chính quốc tế. Nội dung của Quy chế không trái với Hiến pháp, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, tuân thủ thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế, bảo đảm thống nhất với các nguyên tắc, chính sách cơ bản quy định tại Nghị quyết số 222/2025/QH15 ngày 27/06/2025 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Nghị quyết này.

Điều 10. Đảm bảo hiệu lực của Quyết định công nhận kết quả hoà giải thành, quyết định, phán quyết của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế

1. Trường hợp các bên thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế, các bên tranh chấp có quyền thỏa thuận từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án hủy quyết định công nhận hoà giải thành hoặc phán quyết trọng tài có hiệu lực pháp luật của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế. Tòa án không giải quyết yêu cầu hủy phán quyết, quyết định của Hội đồng trọng tài khi các bên đã có văn bản thỏa thuận từ bỏ quyền này, trừ các trường hợp ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

2. Thỏa thuận từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án hủy quyết định công nhận hoà giải thành hoặc phán quyết trọng tài có hiệu lực pháp luật của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế là một phần của thỏa thuận trọng tài theo quy định của pháp luật trọng tài thương mại và cần đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có hình thức phù hợp với quy định tại Điều 16 Luật Trọng tài thương mại;

b) Không thuộc các trường hợp thỏa thuận vô hiệu quy định tại Điều 18

Luật Trọng tài thương mại.

c) Được lập trước thời điểm một Bên nộp yêu cầu hủy phán quyết, quyết định của Hội đồng trọng tài ra Tòa án.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Điều khoản thi hành

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2025

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT,
- các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ĐMDN (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính